TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày 28 – 8 – 2023
"V/v kiện đòi nợ, yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Luyện.
- Bà Trần Thị Minh Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về "Kiện đòi nợ và yêu cầu bồi thường thiệt hại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th. Sinh năm 195x. Địa chỉ: xóm LT, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An: Ông Trần Văn T. Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LS. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* 1. Ông Nguyễn Đình B. Địa chỉ: Xóm LT, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Trọng Q. Địa chỉ: Xóm LC, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Trần Thị N. Địa chỉ: Xóm LC, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Lê Văn V. Sinh năm 195x. Địa chỉ: xóm LT, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông Nguyễn Văn K. Sinh năm 195x. Địa chỉ: Xóm LT, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Trần Đình L. Sinh năm 196x. Địa chỉ: Xóm LT, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Từ năm 1983 đến năm 1987 thì bà Trần Thị Th là Uỷ viên ban quản lý Hợp tác xã LS và được giao phụ trách ngành phúc lợi, cụ thể là phụ trách 06 nhà trẻ, trường mầm non.

Căn cứ vào Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 do các thành viên lãnh đạo Hợp tác xã nông nghiệp LS lập để xác nhận các khoản chi phí chưa thể hiện trên sổ sách vì lúc đó bà Trần Thị Th là cán bộ phúc lợi của Hợp tác xã nông nghiệp LS chưa được thanh toán một số khoản đã chi. Theo biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì Hợp tác xã nông nghiệp LS xác nhận cho bà Trần Thị Th chưa được thanh toán các khoản gồm:

1. Mua đồ dùng nhà trẻ: 7.200 đồng, năm 1984.

2. Mua bàn ghế mẫu giáo: 2.952 đồng, năm 1983.

3. Chi mua dường: 1.800 đồng, năm 1983.

4. Chi mua vật liệu sửa nhà mẫu giáo: 1950 đồng, năm 1986.

5. Tổng kết mẫu giáo: Tiền 1000 đồng năm 1986

Gạo: 6kg

6. Chi mua vật liệu: 2.050 đồng, năm 1986

7. Chi đón đoàn Pam: 2800 đồng, năm 1986"

Đối với khoản tiền ở mục *"1. Mua đồ dùng nhà trẻ 7.200 đồng, năm 1984"* trong Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì thời điểm lập biên bản này là chưa kiểm tra lại nên ghi như vậy nhưng sau này qua kiểm tra đối chiếu sổ sách thì Hợp tác xã nông nghiệp LS đã thanh toán cho bà Trần Thị Th.

Đối với khoản tiền tại các mục: "*2. Mua bàn ghế mẫu giáo: 2.952 đồng, năm 1983. 3. Chi mua dường: 1.800 đồng, năm 1983* trong Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì sau đó bà Trần Thị Th có làm đơn khiếu nại gửi Thanh tra huyện Đô Lương và Thanh tra huyện Đô Lương đã có ban hành Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 đối với 02 khoản tiền này nhưng bà Trần Thị Th không đồng ý đối với kết luận này của Thanh tra huyện Đô Lương. Sau khi nhận được Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương thì bà Trần Thị Th không có khiếu nại gì. Như vậy tổng số tiền mà Hợp tác xã nông nghiệp LS nợ bà Trần Thị Th theo Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 từ các mục 2,3,4,5,6.7 tổng cộng là 12.552 đồng.

Ngoài ra, năm 1986 – 1987 còn có số tiền 25.462 đồng (Hai mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) đã được Hợp tác xã nông nghiệp LS duyệt chi theo 04 phiếu thu năm 1989; đây là tiền của bà Trần Thị Th đã bỏ ra để mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cho nhà trẻ và sau này được Hợp tác xã nông nghiệp LS thanh toán cho số tiền 22.662 đồng (Hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng) số tiền còn lại là 2800 đồng (hai nghìn tám trăm đồng) thì HTX nông nghiệp LS chưa trả cho bà Trần Thị Th. Tài liệu chứng minh cho việc bà Trần Thị Th đã chi mua sắm, phục vụ cho HTX nông nghiệp LS năm 1986-1987 là Bảng cân đối ngang do tài vụ là ông Lê Văn V của HTX nông nghiệp LS lấy sổ sách ra và đọc cho bà Trần Thị Th viết lại nội dung các khoản tiền mà bà Trần Thị Th ứng tiền của HTX nông nghiệp LS để phục vụ công

việc của Hợp tác xã. Như vậy tổng số tiền mà Hợp tác xã nông nghiệp LS còn nợ bà Trần Thị Th là 15.352 đồng, Quy đổi ra giá thóc thời điểm năm 1983 là 3 đồng/01 kg thóc nên 15.352 đồng tương đương với 37 tạ 84 kg thóc, nhưng do HTX LS đã trả cho bà Trần Thị Th 6 tạ 75kg thóc nên còn nợ số thóc là 31 tạ 09 kg.

Năm 1991, Hợp tác xã nông nghiệp LS tiến hành cắt ruộng (Tạm thời chưa chia ruộng) cho bà Trần Thị Th để sản xuất nông nghiệp là sai nên phải trả sản lượng tiêu chuẩn ruộng năm 1991 cho bà Trần Thị Th là 9 tạ 50 kg thóc. Do đó HTX LS còn phải trả cho bà Trần Thị Th là 40 tạ 59 kg thóc, giá thóc hiện tại là 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng/01 tạ nên 40 tạ 59kg thóc tương đương số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra từ năm 1989 đến nay bà Trần Thị Th phải đi khiếu nại, khiếu kiện nhưng không có cơ quan nhà nước nào giải quyết việc yêu cầu đòi nợ nên gây thiệt hại cho bà Trần Thị Th với tổng số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Bà Trần Thị Th thấy rằng Hợp tác xã LS đã giải thể năm 1994 nhưng Ủy ban nhân dân xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An là cơ quan tiếp nhận các tài sản của HTX LS khi giải thể nên UBND xã LS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An phải có trách nhiệm đối với khoản nợ và thiệt hại mà HTX LS gây ra đối với bà Trần Thị Th. Do đó bà Trần Thị Th làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Buộc UBND xã LS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An phải trả cho bà Trần Thị Th 40 tạ 59 kg thóc tương đương số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng và tiền thiệt hại trong 30 năm là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng), tổng số tiền là 53.000.000 (Năm mươi ba triệu) đồng.

- Tại Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2023 của UBND xã LS trình bày như sau: Hợp tác xã nông nghiệp xã LS giải thể năm 1994. Sau khi HTX giải thể đã làm thủ tục thanh lý, bàn giao tài sản, quyết toán tài chính theo chủ trương, quy định thời điểm đó. Không bàn giao tài chính. Về tài sản có bàn giao tài sản cho các đội sản xuất sử dụng, bàn giao cho UBND xã LS nhà cửa hàng mua bán làm trường mầm non; nhà trẻ mẫu giáo làm Trạm y tế nhưng không có văn bản bàn giao, tiếp nhận giữa HTX LS với các đội sản xuất và UBND xã LS.

UBND xã LS đã kiểm tra nhưng không có hồ sơ, văn bản nào còn lưu giữ tại UBND xã liên quan đến việc giải thể, bàn giao tài chính, tài sản của HTX LS với UBND xã LS. Lý do không cung cấp được tài liệu là do một số cán bộ đã nghỉ hưu cao tuổi, già yếu, qua đời; thời gian giải thể của HTX LS từ năm 1994 đến năm 2023 đến nay gần 30 năm, chuyển trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, công tác lưu giữ không bảo đảm nên thất lạc, mất tài liệu.

- Ý kiến trình bày của người làm chứng:

+ Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn K tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023: Ông Nguyễn Văn K công tác tại HTX LS từ năm 1983 đến năm 1994. Từ năm 1983 đến năm 1985 ông Nguyễn Văn K giữ chức danh Kế toán tiền mặt; từ năm 1986 đến năm 1991 ông K học Đại học hệ tại chức (Hệ vừa học vừa làm). Từ năm 1989 đến năm 1994 ông K giữ chức vụ Phó chủ nhiệm HTX LS. Ông Nguyễn Văn K được tham gia cuộc họp ngày 28/11/1990

để đối chiếu các khoản ứng, chi, tiêu, hoàn ứng của bà Trần Thị Th (Sinh năm 195x. Địa chỉ xóm LT, xã LS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) từ năm 1983 đến năm 1986, bởi vì từ năm 1983 đến 1985, ông K là kế toán tiền mặt nên có mặt để đối chiếu các khoản tiền mà bà Th kê khai với Sổ cái của HTX LS ghi các khoản thu, chi, ứng tiền, hoàn ứng của các xã viên và của HTX LS. Các khoản tiền ghi từ mục 1, 2, 3 tại Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì trong thời gian từ năm 1983 đến 1985 việc bà Trần Thị Th có làm thủ tục thanh toán các khoản tiền này hay không thì ông K không biết vì trong Sổ kế toán tiền mặt không thể hiện; còn từ năm 1986 đến năm 1990 ông K không phụ trách Kế toán tiền mặt nên không biết các khoản ứng, chi, hoàn ứng của bà Trần Thị Th cho HTX LS. Việc bà Trần Thị Th bị gác ruộng (tạm thời chưa giao ruộng) để sản xuất vào thời gian nào và lý do vì sao thi ông K không biết. Việc Thanh tra huyện Đô Lương làm việc với bà Trần Thị Th và HTX LS năm 1991 thì ông K không biết nên cũng không biết nội dung của Kết luật số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương. Việc bà Trần Thị Th và HTX LS, UBND xã LS đã thanh toán với nhau các khoản tiền ghi trong Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 hay chưa thì ông Nguyễn Văn K không biết vì từ năm 1989 đến năm 1994 ông K giữ chức vụ Phó chủ nhiệm HTX LS nhưng ông K phụ trách công tác chỉ đạo kỹ thuật nông nghiệp nên các vấn đề liên quan đến tài chính của HTX LS là do Chủ nhiệm HTX LS quản lý phụ trách và chịu trách nhiệm. Đối với sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Th và HTX LS ngày 21/10/1991 thì ông Nguyễn Văn K không được tham gia và không biết nội dung của thỏa thuận này, không được lãnh đạo thông tin về nội dung của thỏa thuận này.

+ Ý kiến trình bày của ông Lê Văn V tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023 như sau: Ông Lê Văn V công tác tại HTX LS từ năm 1976 đến năm 1994, giữ chức danh Kế toán trưởng từ năm 1980 đến năm 1994. Theo Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì tại các mục số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 là thể hiện số tiền mà bà Trần Thị Th đã ứng tiền của HTX LS để mua sắm, chi tiêu các việc của HTX LS từ năm 1983 đến 1986 nhưng chưa làm thủ tục hoàn ứng cho HTX LS. Việc HTX LS lập Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 là do theo chủ trương của Nghị quyết đại hội Hợp tác xã LS thì xã viên của HTX mà còn nợ tiền của HTX LS thì bị tạm thời cắt đất sản xuất nông nghiệp (đất ruộng). Do thời điểm đó từ năm 1983 đến năm 1986 thì bà Trần Thị Th còn nợ tiền (tiền ứng trước) của HTX LS mà chưa hoàn ứng xong nên HTX LS lập Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 để xác định số tiền mà bà Trần Thị Th còn nợ tiền của HTX LS. HTX LS căn cứ vào số tiền mà bà Trần Thị Th còn nợ theo Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 để tạm thời cắt đất sản xuất nông nghiệp của bà Trần Thị Th vào thời điểm đó.

Sau khi bị cắt đất sản xuất nông nghiệp thì bà Trần Thị Th khiếu nại lên cấp trên và Thanh tra huyện Đô Lương đã ban hành Kết luận số 19 ngày 09/9/1991, theo kết luận này thì bà Th được thanh toán 02 khoản gồm:

+ Khoản 1800 đồng (Một nghìn tám trăm đồng) mua 06 giường nhà trẻ năm 1983.

+ Khoản 2.952 đồng (Hai nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) mua 12 bộ bàn ghế nhà trẻ năm 1983.

Tổng số tiền được thanh toán là 4.752 đồng (Bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Và theo Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương được UBND xã LS và HTX LS trả lại 4.674 đồng (Bốn nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng) tương đương 13,35kg thóc. Ngoài ra bà Th có trách nhiệm thanh toán các khoản được duyệt chi năm 1986. Sau khi có Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương thì UBND xã, HTX LS đã làm việc với bà Trần Thị Th và thanh toán cho bà Trần Thị Th số tiền 4.752 đồng (02 khoản được thanh toán năm 1983 nêu trên) và thanh toán xong số tiền được duyệt chi năm 1986 với tổng số tiền 7.800 đồng; ngoài ra cũng đã được UBND xã, HTX LS trả lại cho bà Trần Thị Th số tiền 4574 đồng. Việc hai bên thanh toán các khoản nêu trên được thể hiện tại biên bản thỏa thuận ngày 21/10/1991….Các khoản tiền mà bà Trần Thị Th còn nợ tiền ứng của HTX LS từ năm 1983 đến 1986 được thể hiện tại Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 và đều đã được 02 bên thỏa thuận thanh toán xong theo Biên bản thỏa thuận ngày 21/10/1991. Ông Lê Văn V không lưu giữ Biên bản thỏa thuận ghi ngày 21/10/1991 nên không thể cung cấp cho TAND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

+ ***Ý kiến trình bày của ông Trần Đình L tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023:*** Ông Trần Đình L công tác tại Hợp tác xã LS từ năm 1985 đến khoảng năm 1992, là Kế toán thóc của HTX LS. Các khoản tiền ghi tại mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 trong Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 thì ông L không biết đó là tiền mà bà Trần Thị Th đã tự bỏ ra để chi cho công việc của HTX LS hay là tiền mà bà Th đã tạm ứng của HTX LS nhưng chưa làm thủ tục thanh toán hay là tiền mà HTX LS còn nợ của bà Th. Sau khi có Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 thì việc bà Th và HTX LS, UBND xã LS có thanh toán với nhau các khoản tiền ghi trong đó hay không thì ông L không biết vì ông L không phải là người quản lý tài khoản của HTX LS. Năm 1991, Thanh tra huyện Đô Lương có làm việc liên quan đến khiếu nại của bà Trần Thị Th và ban hành kết luận nhưng do thời gian đã lâu nên ông L không nhớ nội dung kết luận của Thanh tra huyện Đô Lương. Sau khi có kết luận của Thanh tra huyện Đô Lương năm 1991 thì việc bà Trần Thị Th và UBND xã, HTX LS có làm thủ tục thanh toán tiền cho nhau hay không thì ông L không biết. Năm 1991 ông L giữ chức vụ Phó ban thư ký Hội đồng nhân dân xã nên ông L không biết gì về công việc của Đảng ủy xã LS nên ông L cũng không biết gì về văn bản thỏa thuận ngày 21/10/1991 giữa HTX LS và bà Trần Thị Th.

+ ***Ý kiến trình bày của ông Trần Trọng Q tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023:*** Ông Trần Trọng Q công tác tại HTX LS từ thời gian nào thì ông Q không nhớ vì thời gian đã qua lâu rồi. Năm 1990, ông Trần Trọng Q làm Trưởng ban kiểm soát của HTX LS. Ông Trần Trọng Q là người được tham gia và ký vào Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 tại mục "Kiểm soát". Theo Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì HTX LS và bà Trần Thị Th lập biên bản này để đối chiếu, xác nhận các khoản tiền mà bà Trần Thị Th còn nợ

của HTX LS và số tiền mà bà Trần Thị Th đã ứng của HTX LS mà chưa làm thủ tục hoàn ứng, thanh toán với HTX LS. Còn nội dung cụ thể của biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì do thời gian đã lâu nên ông Trần Trọng Q không nhớ. Từ năm 1983 đến năm 1991, việc bà Trần Thị Th ứng tiền để chi cho hoạt động của HTX LS như thế nào thì ông Trần Trọng Q không biết vì ông Q không phải chủ tài khoản và không làm công tác thủ quỹ, kế toán trong thời gian này… Sau khi ký xác nhận tại Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 thì ông Trần Trọng Q không biết gì về việc thanh toán giữa bà Trần Thị Th và HTX LS (UBND xã LS).

+ ***Ý kiến trình bày của bà Trần Thị N tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023:*** Bà Trần Thị N công tác tại Hợp tác xã LS từ năm 1972 đến năm 1994. Đối với Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 thì bà Trần Thị N lúc đó là Kế toán tiền mặt của HTX LS, còn nội dung cụ thể của Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 do thời gian đã lâu nên bà Trần Thị N không nhớ. Sau đó có Kết luận của Thanh tra huyện Đô Lương thì việc bà Trần Thị Th và HTX LS, UBND xã LS có thực hiện theo Kết luận của Thanh tra huyện Đô Lương hay không thì bà Trần Thị N không biết vì thời gian đã qua lâu rồi nên không nhớ. Bà Trần Thị N không lưu giữ giấy tờ, sổ sách liên quan đến công tác kế toán của HTX LS từ năm 1983 đến năm 1989.

Tại phiên tòa và tại phần tranh luận: Bà Trần Thị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại từ việc cắt ruộng (Tạm thời chưa chia ruộng) cho bà Trần Thị Th để sản xuất nông nghiệp là sai nên phải trả sản lượng tiêu chuẩn ruộng năm 1991 cho bà Trần Thị Th là 9 tạ 50 kg thóc và xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại trong 30 năm là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng); giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND xã LS phải trả 15.352 đồng, quy đổi ra giá thóc thời điểm năm 1983 là 3 đồng/01 kg thóc nên 15.352 đồng tương đương với 37 tạ 84 kg thóc, nhưng do HTX LS đã trả cho bà Trần Thị Th 6 tạ 75kg thóc nên còn nợ số thóc là 31 tạ 09 kg

Ông Trần Văn T đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 93, 94, 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th; miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu trả lại tiền nợ và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong vụ án này, Hợp tác xã nông nghiệp LS đã giải thể năm 1994 nhưng các tài sản cố định có một phần được bàn giao lại cho Uỷ ban nhân dân xã LS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An do đó Ủy ban nhân dân xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An là thừa kế quyền, nghĩa vụ của Hợp tác xã nông nghiệp LS. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nhưng xét trong quá trình giải quyết vụ án thì người làm chứng đã có ý kiến trình bày đầy đủ. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt của người làm chứng tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th yêu cầu Tòa án buộc UBND xã LS phải trả theo Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 từ các mục 2,3,4,5,6.7 tổng cộng là 12.552 đồng và 2800 đồng nợ năm 1989, tổng cộng là 15.352 đồng tương đương với 37 tạ 84 kg thóc, nhưng do HTX LS đã trả cho bà Trần Thị Th 6 tạ 75kg thóc nên còn nợ số thóc là 31 tạ 09 kg; thiệt hại do cắt đất nông nghiệp năm 1991 sai quy định là 9 tạ 50 kg thóc. Tổng cộng là 40 tạ 59 kg thóc tương đương số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng và tiền thiệt hại trong 30 năm là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, tổng số tiền là 53.000.000 (Năm mươi ba triệu) đồng.

[3.1] Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào việc bà Trần Thị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa, cụ thể là xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại từ việc cắt ruộng (Tạm thời chưa chia ruộng) cho bà Trần Thị Th để sản xuất nông nghiệp là sai nên phải trả sản lượng tiêu chuẩn ruộng năm 1991 cho bà Trần Thị Th là 9 tạ 50 kg thóc và xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại trong 30 năm là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng). Xét việc bà Trần Thị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Trần Thị Th.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đề nghị Tòa án buộc UBND xã LS phải trả 15.352 đồng, quy đổi ra giá thóc thời điểm năm 1983 là 3 đồng/01 kg thóc nên 15.352 đồng tương đương với 37 tạ 84 kg thóc, nhưng do HTX LS đã trả cho bà Trần Thị Th 6 tạ 75kg thóc nên còn nợ số thóc là 31 tạ 09 kg:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 có nội dung: *"Hôm nay ngày 28 tháng 11 năm 1990….Đã tiến hành kiểm tra rà xét nợ cho chị Nguyễn Thị Thìn – cán bộ phúc lợi cú do quá trình thanh toán chưa*

dứt điểm giữa chủ khoản và người thanh toán. Qua sổ sách chúng tôi thấy một số giấy tờ sau đây chưa biển hiện trên sổ sách:

1. Mua đồ dùng nhà trẻ: 7.200 đồng, năm 1984.

2. Mua bàn ghế mẫu giáo: 2.952 đồng, năm 1983.

3. Chi mua dường: 1.800 đồng, năm 1983.

4. Chi mua vật liệu sửa nhà mẫu giáo: 1950 đồng, năm 1986.

5. Tổng kết mẫu giáo: Tiền 1000 đồng năm 1986

Gạo: 6kg

6. Chi mua vật liệu: 2.050 đồng, năm 1986

7. Chi đón đoàn Pam: 2800 đồng, năm 1986"

Vậy chúng tôi làm văn bản này xác nhận để những đối tượng có liên đới chủ khoản và người được ủy nhiệm nghiên cứu giải quyết để thanh toán".

Trong quá trình thanh quyết toán các khoản nêu trên thì bà Trần Thị Th thừa nhận khoản ghi tại mục 1 "Mua đồ dùng nhà trẻ 7200 đồng năm 1984" tại Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 đã được thanh toán. Nên bà Trần Thị Th yêu cầu thanh toán số tiền tại các mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 tổng là 12.552 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu UBND xã LS cung cấp bản sao hồ sơ, tài liệu, sổ sách lưu trữ về tài chính, kế toán từ năm 1983 đến năm 1989 của Hợp tác xã nông nghiệp LS nhưng UBND xã LS không cung cấp được. Bà Trần Thị Th và những cán bộ trước đây làm công tác tài chính, kế toán từ năm 1983 đến năm 1989 cũng không cung cấp được những tài liệu này. Do đó Tòa án không thể thu thập được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thu, chi tài chính của Hợp tác xã nông nghiệp LS từ năm 1983 đến năm 1989.

Căn cứ lời khai của ông Trần Đình L (Kế toán thóc), ông Nguyễn Văn K (Kế toán tiền mặt) thì cả hai người đều không biết các khoản ghi tại Biên bản ngày 28/11/1990 là thể hiện việc bà Trần Thị Th nợ tiền, chưa hoàn ứng tiền cho HTX LS hay HTX LS nợ tiền của bà Trần Thị Th. Trong khi lời khai của ông Lê Văn V (Kế toán trưởng), ông Trần Trọng Q (Trưởng ban kiểm soát) cho biết các khoản ghi trong Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 thể hiện việc bà Trần Thị Th còn nợ tiền (chưa hoàn ứng tiền, chưa làm thủ tục thanh toán) của HTX LS. Hơn nữa tại Biên bản xác nhận ghi ngày 28/11/1990 không có chữ ký xác nhận của Chủ nhiệm Hợp tác xã qua các thời kỳ là ông Trần Gia Viên, ông Nguyễn Đình B nên việc xác nhận của các thành viên nêu trong biên bản này không rõ nội dung cụ thể. Ngoài ra cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bàn giao nợ giữa Chủ nhiệm HTX nông nghiệp LS từ 1983 – 1989 và Chủ nhiệm HTX nông nghiệp LS từ năm 1990 – 1991.

Qua điều tra được biết năm 1991, bà Trần Thị Th có làm đơn khiếu nại về việc thanh toán của HTX nông nghiệp LS và sau khi Thanh tra huyện Đô Lương kiểm tra sổ sách, chứng từ liên quan tại bộ phận tài vụ HTX nông nghiệp LS và đã ban hành Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Và sau khi Thanh tra huyện Đô Lương ban hành Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 thì bà Trần Thị Th không có ý kiến phản hồi và không có khiếu nại đối với Kết luận này. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù Thanh tra huyện Đô Lương không phải là đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý

HTX nông nghiệp LS nhưng có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương giải quyết khiếu nại; vì vậy Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương có thể xem là tài liệu, chứng cứ để xem xét, đánh giá các vấn đề tài chính của HTX nông nghiệp LS từ năm 1983 đến năm 1989.

Tại Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 có nội dung: *"Kết quả kiểm tra từ năm 1983 đến năm 1989, bà Trần Thị Th đã ứng, hoàn ứng, thanh toán tiền với HTX như sau:*

Năm	**Tổng ứng**	**Tổng hoàn ứng**	**Nợ tiền**	**Các khoản được thanh toán**	**Cân đối**	
					Nợ	**Có**
1983	6.442 đ			4.752đ	1.690đ	
1984	6.490đ	2.040đ			4.350đ	
1985	1.000đ				1.000đ	
	13.832đ	2.040đ		4.752đ	7.040đ	
1986	9.410đ			7.800đ	1.010đ	
1987	4.873đ		6.350đ		11.223đ	
1988			7.855 đ		7.855đ	
1989		25.466đ			20.792đ	4.674đ
	14.283đ	25.466đ	14.205đ	7.800đ	40.880đ	4.674đ

Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả kiểm tra tại Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương có nội dung tại phần kết luận như sau: *"1. Bà Th đòi "HTX phải trả lại cho bà 02 khoản tiền với tổng giá trị bằng 4.752 đồng quy thóc theo thời điêm năm 1983" yêu cầu này của bà Th là không chính đáng, không có cơ sở pháp lý để chấp nhận vì số tiền này là tiền của tập thể HTX bỏ ra để cho bà mua hàng không phải số tiền này bà bỏ ra cho tập thể vay mượn. Nay theo yêu cầu của Thanh tra huyện, trên cơ sở thực tế của địa phương, HTX chấp nhận thanh toán cho bà 02 khoản tiền trên theo thời điểm năm 1983 để giảm bớt nợ tiền của năm 1983 đối với bà là phù hợp với các điều luật định".*

Hơn nữa tại phần Kiến nghị giải quyết của Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương có nội dung: *"1. Đối với gia đình bà Th: - Bà Th có trách nhiệm đến làm thủ tục thanh toán các khoản đã được duyệt chi năm 1986 và 02 khoản có tổng là 4.752 đồng của năm 1983 với tài vụ HTX NN LS. Nếu bà Th không đến tài vụ để làm thủ tục thanh toán thì tài vụ sẽ căn cứ theo các nguyên tắc quản lý kinh tế, các quy định trong pháp lệnh thống kê, kế toán để giải quyết. Tích cực dưới mọi hình thức trả nợ xong cho HTX LS.*

2. UBND và HTX NN LS có trách nhiệm; Trả lại cho bà Trần Thị Th, xã viên đội 6: 4.674 đồng quy lúa bằng 13,35kg".

Xét lời khai của bà Trần Thị Th và đối chiếu Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương thể hiện các khoản ghi tại mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 tại Biên bản xác nhận ngày 28/11/1990 khớp với số tiền được thanh toán năm 1983, 1986. Nhưng căn cứ vào kết quả kiểm tra của Thanh tra huyện

Đô Lương theo Kết luận số 19 ngày 09/9/1991 thì sổ sách tài chính, kế toán của HTX nông nghiệp LS thể hiện:

- Năm 1983, bà Trần Thị Th ứng số tiền 6.442 đồng, số tiền được thanh toán là 4752 đồng, số tiền còn nợ HTX LS là 1690 đồng.

- Năm 1986, bà Trần Thị Th ứng số tiền 9410 đồng, số tiền được thanh toán là 7800 đồng, số tiền còn nợ là 1010 đồng.

- Năm 1989, bà Trần Thị Th tổng hoàn ứng là 25.466 đồng, nợ là 20.799 đồng, số tiền thanh toán quá là 4674 đồng.

Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng trong năm 1983, 1986 bà Trần Thị Th đều ứng tiền của HTX LS để lo công việc của đơn vị và chưa làm thủ tục hoàn ứng, trong đó có số tiền phải hoàn ứng tổng cộng là 12552 đồng. Nhưng bà Th chưa làm thủ tục hoàn ứng – có nghĩa là còn nợ tiền của HTX LS và theo Kết luận 19 ngày 09/9/1991 của Thanh tra huyện Đô Lương thì HTX LS, UBND xã LS và bà Trần Thị Th chưa làm thủ tục để thanh quyết toán số tiền này. Điều đó chứng tỏ bà Trần Thị Th nợ tiền của HTX LS chứ không phải HTX LS nợ tiền của bà Trần Thị Th.

[3.3] Đối với số tiền 2800 đồng năm 1989 mà bà Trần Thị Th yêu cầu UBND xã LS thanh toán: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Th cho rằng căn cứ vào 04 phiếu thu năm 1989 của HTX LS thể hiện việc bà Trần Thị Th đã được duyệt chi số tiền 25.462 đồng và đã được Hợp tác xã nông nghiệp LS thanh toán cho số tiền 22.662 đồng (Hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng), số tiền còn lại chưa được thanh toán là 2800 đồng (hai nghìn tám trăm đồng).

Nhưng căn cứ vào các Phiếu thu số 137, 140 ghi ngày 28/4/1989, Phiếu thu số 142 ghi ngày 29/4/1989, Phiếu thu số 9 (không ghi ngày tháng năm) thể hiện tổng số tiền 25.466 đồng là tiền mà bà Trần Thị Th hoàn ứng. Đối chiếu Kết luận số 19 ngày 09/9/1990 của Thanh tra huyện Đô Lương thể hiện: Năm 1989 tổng hoàn ứng là 25.466 đồng; nợ là 20.799 đồng; số tiền thanh toán quá là 4674 đồng. Như vậy ý kiến trình bày của bà Trần Thị Th không phù hợp với các Phiếu thu mà bà Trần Thị Th cung cấp cho Tòa án và có sự chênh lệch về số tiền được duyệt chi năm 1989. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào các Phiếu chi nêu trên thì năm 1989 thể hiện việc bà Trần Thị Th đã làm thủ tục thanh hoàn ứng số tiền 25.466 đồng, nhưng các Phiếu thu này không thể hiện được việc phù hợp với Kết luận số 19 ngày 09/9/1990 của Thanh tra huyện Đô Lương đối với số tiền hoàn ứng; trong số các Phiếu thu này có Phiếu thu số 09 không ghi ngày tháng năm, có nội dung: *"Hoàn nợ tiền 88. Về khoản 4756,6 (Bốn ngàn bảy trăm năm sáu đồng, sáu hào)"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh liên quan đến việc được duyệt chi đối với công việc được giao (Ví dụ: Phiếu đề xuất của bà Th và có xác nhận của lãnh đạo HTX LS..) và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với việc thanh toán tiền giữa bà Trần Thị Th và HTX LS đối với các khoản mà bà Trần Thị Th được duyệt chi năm 1989.

Về căn cứ để tính quy đổi giá thóc: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh giá thóc 3 đồng/1 kg thóc

năm 1983 và 800.000 đồng/1 tạ thóc tại thời điểm hiện nay nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng các tài liệu, chứng cứ mà bà Trần Thị Th đưa ra là trên cơ sở tham khảo các cá nhân chứ không phải của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hơn nữa việc bà Trần Thị Th quy đổi tiền ra thóc là ở các năm 1983, 1986, 1989 nhưng bà Th chỉ lấy giá thóc tại thời điểm năm 1983 là không phù hợp để làm căn cứ quy đổi giá tiền sang thóc của các năm 1986, 1989.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th về việc buộc Ủy ban nhân dân xã LS phải trả 15.352 đồng (gồm 4752 đồng năm 1983; 7800 đồng năm 1986; 2800 đồng năm 1989), quy đổi ra giá thóc thời điểm năm 1983 là 3 đồng/01 kg thóc tương đương với 37 tạ 84 kg thóc, trừ số thóc đã trả là 6 tạ 75kg thóc nên còn phải trả số thóc là 31 tạ 09 kg x 8000 đồng/01 kg = 24.872.000 (Hai mươi bốn triệu, tám trăm, bảy mươi hai nghìn) đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND xã LS cung cấp Bản phô tô Biên bản về việc trả lời đơn thư khiếu nại ghi ngày 05/4/1995 của Đảng ủy xã LS: Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà Trần Thị Th thừa nhận biết nội dung của văn bản này và có ký vào biên bản này. Tại biên bản này có đề cập đến sự thỏa thuận giữa HTX LS và bà Trần Thị Th ngày 21/10/1991 nhưng UBND xã, Đảng ủy xã LS, bà Trần Thị Th đều không cung cấp được văn bản thỏa thuận ghi ngày 21/10/1991 giữa HTX LS và bà Trần Thị Th nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, đánh giá nội dung của việc thỏa thuận ghi ngày 21/10/1991 giữa HTX LS và bà Trần Thị Th.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th không được chấp nhận, lẽ ra phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Trần Thị Th là người trên 60 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn nạp chịu án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Th.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân xã LS phải trả 15.352 (Mười lăm nghìn, ba trăm năm mươi hai) đồng (gồm 4752 đồng năm 1983; 7800 đồng năm 1986; 2800 đồng năm 1989), quy đổi ra giá thóc thời điểm năm 1983 là 3 đồng/01 kg thóc tương đương với 37 (Ba mươi bảy) tạ 84 (Tám mươi bốn) kg thóc, trừ số thóc đã trả là 6 (Sáu) tạ 75 (Bảy mươi lăm) kg thóc nên còn phải trả

số thóc là 31 (Ba mươi mốt) tạ 09 (Chín) kg x 8000 (Tám nghìn) đồng/01 kg = 24.872.000 (Hai mươi bốn triệu, tám trăm, bảy mươi hai nghìn) đồng.

Đình chỉ giải quyết đối yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th về việc buộc UBND xã LS phải trả 9 tạ 50 kg thóc thiệt hại do cắt ruộng năm 1991 và 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng tiền thiệt hại trong 30 năm. Bà Trần Thị Th có quyền có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Miễn nạp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Th.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà